

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v đề nghị gia hạn thời gian
hoàn thành của Dự án Môi
trường bền vững các thành phố
Duyên hải – Tiểu dự án thành
phố Quy Nhơn

Kính gửi: Bà Carolyn Turk, Giám đốc Quốc gia Ngân hàng
Thế giới tại Việt Nam - Khu vực Đông Á và Thái
Bình Dương

Qua kết quả làm việc giữa Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và Bà Carolyn Turk - Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam - Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (Ngân hàng WB) vào ngày 08/01/2021 tại Văn phòng WB (ở Hà Nội); ngày 15/01/2021, Bà Carolyn Turk đã có Thư gửi Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, theo đó đã thống nhất về mặt kỹ thuật đối với các hạng mục đầu tư mới được đề xuất phù hợp với mục tiêu phát triển dự án (PDO) của Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải, trong đó có các hạng mục cụ thể nhằm cải thiện hệ thống thoát nước, thu gom, xử lý nước thải và kết nối đô thị ở thành phố Quy Nhơn là phù hợp với tổng số vốn kết dư ước tính 19,5 triệu USD (*bao gồm 17,7 triệu USD vốn IDA và 1,8 triệu USD vốn IBRD*); đồng thời đề nghị UBND tỉnh Bình Định làm việc với các Bộ, ngành Trung ương để có ý kiến thống nhất sử dụng vốn dư và có Thư gửi cho Ngân hàng WB trước ngày 30/4/2021; tổ chức phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, hồ sơ thiết kế chi tiết và hoàn thành công tác đấu thầu xây lắp cho các hạng mục bổ sung trước ngày 31/8/2021, tổ chức hoàn thành thi công trước ngày 31/12/2021. Về vấn đề nêu trên, UBND tỉnh Bình Định trao đổi thông tin tới Ngân hàng WB, với các nội dung như sau:

1. Về làm việc với các Bộ, ngành Trung ương để có ý kiến thống nhất chủ trương cho sử dụng vốn dư và kết quả rà soát vốn dư sau khi triển khai các hợp đồng theo Hiệp định đã ký kết:

Căn cứ Thư nêu trên của Bà Carolyn Turk, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 598/UBND-KT ngày 01/02/2021, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có ý kiến thống nhất chủ trương sử dụng vốn kết dư là 19,5 triệu USD để đầu tư các hạng mục bổ sung của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải. Tiếp đó, UBND tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 1047/UBND-KT ngày 02/3/2021 và Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 30/3/2021, trình Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương sử dụng vốn

vay dư để mở rộng, phát huy hiệu quả Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn”.

Theo đề nghị của UBND tỉnh Bình Định tại các Văn bản nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các Văn bản số 1721/BKHĐT-KTĐN ngày 29/3/2021 và Văn bản số 2070/BKHĐT-KTĐN ngày 13/4/2021, đề nghị UBND tỉnh Bình Định cần thực hiện các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt bổ sung hạng mục mới (*hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu vực Ghềnh Ráng, kênh, mương, cống thoát nước, hệ thống thu gom nước thải một số khu vực thành phố Quy Nhơn thuộc hợp phần 1 và xây dựng tuyến đường tại khu vực 2 phường Ghềnh Ráng thuộc Hợp phần 2*) đã được UBND tỉnh Bình Định đề xuất sử dụng vốn dư nằm ngoài phạm vi phê duyệt ban đầu của Dự án. Vì vậy, cần thực hiện thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, điều chỉnh nội dung Quyết định chủ trương của Dự án, theo quy định tại khoản 3, Điều 47, Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Trường hợp sử dụng vốn vay dư, UBND tỉnh Bình Định cần kiểm tra rà soát các số liệu báo cáo và khả năng cân đối, bố trí vốn đối ứng và kế hoạch đầu tư công các nguồn vốn cho dự án. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh Bình Định tổ chức rà soát hạng mục hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích (*một số gói thầu thuộc Hợp phần 4, sử dụng vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh*), xem xét sự cần thiết đầu tư.

Bộ Tài chính đã có Văn bản số 3152/BTC-QLN ngày 29/3/2021, cho ý kiến và hướng dẫn UBND tỉnh Bình Định thực hiện thủ tục sử dụng vốn vay dư, quy mô vốn dư, giá trị hợp đồng, cơ chế tài chính phần vốn dư, thời hạn thanh toán và tính khả thi. Đối với vốn đối ứng thực hiện dự án, đề nghị UBND tỉnh Bình Định thực hiện theo quy định tại Điều 43, Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 2709/VPCP-QHQT ngày 22/4/2021, thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh, theo đó giao UBND tỉnh Bình Định khẩn trương hoàn thiện hồ sơ sử dụng vốn dư Dự án theo quy định hiện hành, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, sớm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn”.

Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tại các văn bản nêu trên, UBND tỉnh Bình Định đã giao các cơ quan liên quan tập trung rà soát toàn bộ dự án và tổ chức thẩm định nội bộ trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem

xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, dự kiến thời gian hoàn thành trong tháng 6/2021.

Qua kiểm tra rà soát lại các gói thầu đang thực hiện trong giai đoạn 18 tháng (giai đoạn 1) và các gói thầu xây lắp đang triển khai thuộc giai đoạn 2 của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn vừa tổ chức đấu thầu và ký kết hợp đồng để xác định chính xác vốn dư của dự án, cụ thể:

Vốn dư còn lại của Dự án là **28,463 triệu USD** so với Hiệp định đã ký kết và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Vốn dư có tăng lên do tiết kiệm trong quá trình đấu thầu, đồng thời qua rà soát không triển khai một số gói thầu của hợp phần 4 - Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích, sử dụng vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh. Vì vậy, vốn dư sau khi rà soát đã tăng so với dự kiến vốn dư đã báo cáo với Ngân hàng WB và các Bộ, ngành Trung ương từ tháng 11/2020, cụ thể:

- Vốn IDA (vay lại 30%, cấp phát 70%): 24,403 triệu USD
- Vốn IBRD (vay lại 100%): 2,047 triệu USD
- Vốn đối ứng: 2,013 triệu USD.

Tổng hợp thực hiện dự án theo nguồn vốn

DVT: USD

TT	Chi phí	Tổng mức đầu tư theo Hiệp định (PAD)	Kết quả thực hiện	Vốn dư theo PAD	Đề xuất sử dụng vốn dư	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch sau khi điều chỉnh
1	2	3	4	5=3-4	6	7=4+6	8=7-3
1	Vốn ODA	50.083.278	23.632.693	26.450.585	25.304.470	48.937.163	-1.146.115
	Vốn IDA	44.958.182	20.554.865	24.403.317	23.468.375	44.023.239	-934.943
	Vốn IBRD	5.125.096	3.077.828	2.047.268	1.836.096	4.913.924	-211.172
2	Vốn đối ứng	5.220.811	3.207.554	2.013.257	2.949.921	6.157.475	+936.664
	Tổng	55.304.089	26.840.246	28.463.843	28.254.392	55.094.638	-209.451

(Chi tiết xem các Phụ lục đính kèm).

2. UBND tỉnh Bình Định đề xuất, kiến nghị Ngân hàng Thế giới (WB) các nội dung như sau:

a) Về xác định sự hiệu quả, cần thiết và khả thi của việc sử dụng vốn vay dư, đề nghị Ngân hàng Thế giới quan tâm cho chủ trương sử dụng vốn kết dư để đầu tư các hạng mục bổ sung vào các Hợp phần 1 (Mở rộng hạ tầng vệ sinh) và Hợp phần 2 (Cải thiện đô thị) thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn.

Đề nghị Ngân hàng Thế giới quan tâm chấp thuận về sự cần thiết đầu tư các hạng mục bổ sung, để nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo

Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp theo Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 12 phường nội thành, thành phố Quy Nhơn, để góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị, sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của thành phố Quy Nhơn trong tương lai.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cam kết với Ngân hàng Thế giới (WB) sẽ triển khai các hạng mục đầu tư theo Hiệp định và theo Dự án đã phê duyệt, tập trung hoàn thành trước ngày đóng Hiệp định ngày 31/12/2022.

Riêng các hạng mục đầu tư bổ sung sử dụng vốn dư có kinh phí khá lớn 28,463 triệu USD, do đó Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Ngân hàng Thế giới (WB) quan tâm cho gia hạn thời gian thực hiện hoàn thành dự án kéo dài hơn 12 tháng so với ngày đóng Hiệp định ngày 31/12/2022, nhằm có đủ thời gian trình các Bộ ngành Trung ương thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư, có đủ thời gian lựa chọn các đơn vị tư vấn lập dự án điều chỉnh, thiết kế kỹ thuật thi công, tổ chức lựa chọn nhà thầu triển khai thi công, đảm bảo công trình chất lượng, đồng bộ với các hạng mục đã triển khai đầu tư từ các dự án trước đây.

Trường hợp Ngân hàng Thế giới (WB) không cho chủ trương gia hạn thời gian để thực hiện vốn dư đầu tư các hạng mục bổ sung sẽ khó có khả năng đầu tư hoàn thành đầy đủ các hạng bổ sung, do đó môi trường ở các khu vực của thành phố Quy Nhơn sẽ còn tiếp tục ô nhiễm, không phát huy hết hiệu quả các hạng mục đã đầu tư của các dự án từ những giai đoạn trước đó... Vì vậy rất mong Ngân hàng Thế giới quan tâm xem xét.

c) Về các hạng mục sử dụng vốn IDA dư:

UBND tỉnh Bình Định đã thực hiện rà soát, đảm bảo các hạng mục chi phí của Dự án theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 về việc chỉ sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Đối với hạng mục thuế giá trị gia tăng (VAT), UBND tỉnh Bình Định đã tổ chức rà soát không sử dụng vốn vay và chuyển sang bố trí vốn đối ứng.

d) Về vốn đối ứng tăng thêm do sử dụng vốn vay dư:

UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo rà soát, tính toán lại số vốn đối ứng cần bố trí thêm do sử dụng vốn vay IDA dư của WB đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 41, Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay tổng mức vốn đối ứng sau khi kiểm tra rà soát, vốn đối ứng tăng thêm là **936.664 USD so với số kinh phí 5,244 triệu USD** theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” vay vốn Ngân hàng Thế giới.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo và đề nghị Ngân hàng Thế giới quan tâm cho chủ trương để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông Lê Duy Hưng, Trưởng đoàn công tác WB tại VN;
- Bà Nguyễn Diễm Hằng, Đồng Trưởng đoàn công tác WB tại VN;
- TTTU (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, XD;
- Ban QLDA DD&CN;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

Phụ lục 1: Tổng hợp kết quả thực hiện và vốn dư của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn

T T	Nội dung	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư theo PAD					Kết quả đã thực hiện					Vốn dư	
			USD	1.000 VND	Trong đó:			USD	1.000 VND	Trong đó:			USD	1.000 VND
					IDA	IBRD	Đối ứng			IDA	IBRD	Đối ứng		
1	2	3	5	6				7	8				9=5-7	10=6-8
1	Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh	IDA	34.059.228	760.372.265	760.372.265			18.906.271	422.082.493	422.082.493			15.152.957	338.289.772
2	Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị	IBRD	3.456.160	77.158.772		77.158.772		2.362.573	52.744.442		52.744.442		1.093.587	24.414.330
3	Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Đối ứng	564.399	12.600.208			12.600.208	541.175	12.081.740			12.081.740	23.224	518.468
4	Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích	Đối ứng	3.480.553	77.703.346			77.703.346	975.655	21.781.497			21.781.497	2.504.898	55.921.849
5	Chi phí dự phòng (khôi lượng và trượt giá)	IDA	6.811.847	152.074.475	152.074.475			1.210.693	27.028.716	27.028.716			5.601.154	125.045.759
		IBRD	691.232	15.431.754		15.431.754			0				691.232	15.431.754
		Đối ứng	752.550	16.800.668			16.800.668			0			752.550	16.800.668
6	Thuế VAT (10%)	IDA	4.087.107	91.244.674	91.244.674			2.011.696	44.911.121	9.776.144		35.134.976	2.075.411	46.333.553
		IBRD	414.739	9.259.053		9.259.053		236.257	5.274.444		3.399.879	1.874.565	178.482	3.984.608
		Đối ứng	423.309	9.450.379			9.450.379	32.961	735.856			735.856	390.348	8.714.523
7	Chi phí lãi vay và phí vay	IBRD	562.965	12.568.194		12.568.194		562.965	12.568.194		12.568.194		0	0
	Tổng cộng		55.304.089	1.234.663.787	1.003.691.414	114.417.773	116.554.600	26.840.246	599.208.503	458.887.354	68.712.515	71.608.634	28.463.843	635.455.285

Phụ lục 2: Chi tiết thực hiện theo nguồn vốn

TT	Chi tiết phân chia nguồn vốn	Theo PAD		Kết quả thực hiện		Vốn dư	
		1.000 VND	Quy đổi USD	1.000 VND	Quy đổi USD	1.000 VND	Quy đổi USD
1	Vốn IDA	1.003.691.414	44.958.182	458.887.354	20.554.865	544.804.061	24.403.317
	<i>Chi phí XD</i>	760.372.265	34.059.228	422.082.493	18.906.271	338.289.772	15.152.957
	<i>Thuế</i>	91.244.674	4.087.107	9.776.144	437.901	81.468.530	3.649.206
	<i>Dự phòng</i>	152.074.475	6.811.847	27.028.716	1.210.693	125.045.759	5.601.154
2	Vốn IBRD	114.417.773	5.125.096	68.712.515	3.077.828	45.705.258	2.047.268
	<i>Chi phí XD</i>	77.158.772	3.456.160	52.744.442	2.362.573	24.414.330	1.093.587
	<i>Thuế</i>	9.259.053	414.739	3.399.879	152.290	5.859.173	262.449
	<i>Dự phòng</i>	15.431.754	691.232	0	0	15.431.754	691.232
	<i>Chi phí lãi vay và phí vay</i>	12.568.194	562.965	12.568.194	562.965	0	0
3	Vốn đối ứng	116.554.600	5.220.811	71.608.634	3.207.554	44.945.966	2.013.257
	<i>Chi phí TV</i>	90.303.553	4.044.952	33.863.237	1.516.830	56.440.317	2.528.122
	<i>Thuế</i>	9.450.379	423.309	37.745.397	1.690.723	-28.295.018	-1.267.414
	<i>Dự phòng</i>	16.800.668	752.550	0	0	16.800.668	752.550
	Tổng cộng	1.234.663.787	55.304.089	599.208.503	26.840.246	635.455.285	28.463.843

Phụ lục 3: Chi tiết các hợp phần đề xuất sử dụng vốn dư

STT	Tên Hợp phần/Gói thầu	Giá trị hợp đồng/giá trị hợp đồng dự kiến			
		ĐVT: 1.000 VND	Trong đó:		
			Vốn IDA	Vốn IBRD	Vốn đối ứng (Thuế VAT)
I	Hợp phần 1	528.455.949	480.414.499	-	48.041.450
1	Xây dựng HTTN mưa, khu vực 2 phường Ghềnh Ráng	133.907.291	121.733.901		12.173.390
1.1	<i>Xây dựng các tuyến mương thoát lũ</i>	<i>32.081.591</i>	<i>29.165.083</i>		<i>2.916.508</i>
1.2	<i>Xây dựng các tuyến cống hộp và cống tròn thoát nước mưa</i>	<i>101.825.700</i>	<i>92.568.818</i>		<i>9.256.882</i>
2	Xây dựng hệ thống thu gom, XLNT khu Ghềnh Ráng	107.318.510	97.562.282		9.756.228
2.1	<i>Hệ thống thu gom nước thải khu Ghềnh Ráng</i>	<i>45.723.841</i>	<i>41.567.128</i>		<i>4.156.713</i>
2.2	<i>Xây dựng các trạm bơm nước thải, tuyến cống áp lực</i>	<i>12.094.669</i>	<i>10.995.154</i>		<i>1.099.515</i>
2.3	<i>Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt</i>	<i>49.500.000</i>	<i>45.000.000</i>		<i>4.500.000</i>
3	Chỉnh trang, nạo vét tuyến mương hiện trạng đường Nguyễn Đình Hoàng	54.419.316	49.472.105		4.947.211
4	Cống thoát nước mưa khu vực 1 phường Nhơn Bình D8000mm	13.697.374	12.452.158		1.245.216
5	Cải tạo, nạo vét các công trình hiện trạng: (i) tuyến mương hở hiện trạng từ ngã ba Hùng Vương - Võ Thị Sáu đến đường Điện Biên Phủ; (ii) cống thoát nước đường Nguyễn Trọng Trì	6.502.668	5.911.516		591.152
6	Xây dựng HT thu gom nước thải, TB, tuyến ống áp lực cho khu dân cư hiện trạng KV1 phường Nhơn Bình (từ Ngã ba ông Thọ về ĐBP) về Nhà máy XLNT Nhơn Bình	104.903.840	95.367.127		9.536.713
7	Xây dựng trạm bơm tổng và tuyến ống áp lực để thu gom nước thải cho khu vực phía bắc Nm Nhơn Bình	10.415.504	9.468.640		946.864
8	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, Trạm bơm, tuyến ống áp lực về NM XLNT 2A	44.004.675	40.004.250		4.000.425

9	Tuyến đường vào NM Nhơn Bình	10.826.772	9.842.520		984.252
10	Chỉnh trang công viên hiện trạng khu vực eo sân bay và xây dựng 4 NVSCC	42.460.000	38.600.000		3.860.000
II	Hợp phần 2	42.586.403	-	38.714.912	3.871.491
	Xây dựng đường ĐS1	29.973.221		27.248.383	2.724.838
	Xây dựng đường ĐS2	12.613.182		11.466.529	1.146.653
	Tổng phần xây dựng (I+II)	571.042.352	480.414.499	38.714.912	51.912.941
III	Chi phí QLDA	6.263.700			6.263.700
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	18.424.245	15.869.534	0	2.553.336
	Chi phí lập FS điều chỉnh, RAP, ESIA, lập TKCT, HSMT và Giám sát thi công (vốn ODA)	17.456.487	15.869.534		1.586.953
	Chi phí tư vấn vốn đối ứng	967.758			966.383
VII	Chi phí khác	2.497.826			2.497.826
VII	Dự phòng (10%)	57.104.235	48.041.450	3.871.491	5.191.294
	Tổng cộng (III+IV)	655.332.359	544.325.483	42.586.403	68.419.098
	Quy đổi USD	28.254.392	23.468.375	1.836.096	2.949.862

Tỷ giá quy đổi tháng 4/2021: 1USD = 23194 VND